

CHỮ ‘KHIÊM’ TRONG ĐỜI SỐNG

● Nguyễn Văn Nghệ SB74

Trong một phòng triển lãm thư pháp, tôi đang đứng ngắm hai bức thư pháp: một bức có chữ “Nhẫn” bằng chữ Hán và một bức có chữ “Nhẫn” bằng chữ Quốc ngữ. Cũng có một nhóm người đến đứng sau lưng tôi để ngắm hai bức thư pháp ấy. Họ cùng nhau bình luận ý nghĩa của chữ “Nhẫn”. Đa số trong nhóm ấy cho rằng ý nghĩa của chữ “Nhẫn” rất là thâm thúy. Nhưng có một người trong nhóm phản bác cho rằng chữ “Nhẫn” không thâm thúy cho bằng chữ “Khiêm”. Vì “Nhẫn” đôi khi “bằng mặt chứ không bằng lòng”, có người “sống để bụng chết mang theo” cho nên tâm hồn của họ không thanh thản. Rồi người ấy nói tiếp: Người khiêm tốn thì bao gồm cả đức tính “Nhẫn” trong ấy và người ấy dẫn lời của J. C. Hace: *“Khiêm tốn không có nghĩa là không biết đến những giá trị của mình mà biết nhận chân những giá trị ấy”*.

Ở Việt Nam không có nơi nào mà chúng ta bắt gặp chữ “Khiêm” nhiều cho bằng ở lăng vua Tự Đức. Từ nhà cửa, ao hồ, cầu thuyền... đều có chữ “Khiêm” như: Khiêm cung môn, Vụ Khiêm môn, Tự Khiêm môn, Lương Khiêm điện, Hòa Khiêm điện, Xung Khiêm tạ, Dĩ Khiêm đình, Ích Khiêm các, Lễ Khiêm vu, Pháp Khiêm vu, Tông Khiêm viện, Tuần Khiêm kiêu, Do Khiêm kiêu, Lưu Khiêm hồ, Tiểu Khiêm trì, Thuận Khiêm thuyền, Ổn Khiêm thuyền... và ngay cả tên lăng cũng mang tên Khiêm lăng.

Tại sao vua Tự Đức lại lấy chữ “Khiêm” mà đặt tên như vậy? Trong bài Khiêm cung ký vua Tự Đức viết: *“Tất cả các tên phải có nghĩa, không phải tên không căn cứ: kìa như sao lấy đức Khiêm của trẫm mà khiến cho núi ấy, sông ấy, nhà ngoài ấy, nhà trong ấy cũng đều theo mà làm Khiêm, những cái ấy có lỗi gì đâu? Và quả có biết gì đâu? Tất cả cái tên mà đặt ép, quả đã được yên không? Mà ta có gì là Khiêm không? Đối với đức Khiêm quả có thực không? Kìa như đức Khiêm là kính, là nhường, có đức mà không ở, chịu khuất mình ở dưới người, vì chịu mang tội thẹn như thế, nhường không gì hơn, khuất không gì hơn, có tài năng công đức gì mà không ở ngôi chảnh? Nhưng vì vốn chuộng thực thà đạm bạc, ở nhà vàng mà trong lòng thường như mặc áo trắng, trừ áo lụa lấy ấy ra, không một chút gì là hoa lệ, hoặc cũng là nghĩa có đức mà không ở thêm vào đấy, từ ngày làm cung này, sét đánh điện Hòa Khiêm¹ dân gian*

1. Sét đánh điện Hòa Khiêm vào tháng 5 năm Bình Dân [1866]. Xem Đại Nam thực lục tập 7, NXB Giáo dục, tr.996.

làm loạn người mê hoặc, hoặc xâm phạm của cung², trời trách người oán, tiến đến bất kỳ, ta còn có lòng nào đâu mà chẳng dám chẳng kính nhường, chỉ biết trước sau hết lòng kính nhường, may có thể duy trì cứu chữa được phần nào, thì đối với chữ Khiêm đâu dám không thực, cho nên nhân thế mà đặt tên tất cả, cũng muốn vừa tiếp xúc, vừa cảm động để tự xét răn và tự chê...”³

Khiêm là đầu mối các nhân đức khác. Kinh “*Cải tội bảy mối có bảy đức*” của đạo Công giáo đã đề cao nhân đức Khiêm nhường lên hàng đầu: “*Thứ nhất khiêm nhường chớ kiêu ngạo*”.

Khiêm nhường - Kiêu ngạo là cặp phạm trù đối lập nhau. Một vị chức sắc cao cấp của một tôn giáo nọ sau nhiều năm nghiên ngẫm đã đưa ra một số nguyên tắc dẫn đến thất bại cần phải tránh, cũng như những nguyên tắc dẫn đến thành công cần phải thực hiện và vị chức sắc ấy đặt tên là “*Thập đại thắng*” và “*Thập đại bại*”.

Điều đầu tiên của “*Thập đại bại*” là: “*Kiêu căng, xem người như máy móc, độc đoán chẳng chịu nghe ai, bảo thủ ý kiến*”.

Điều đầu tiên của “*Thập đại thắng*”: “*Khiêm tốn trọng nhân phẩm mỗi cá nhân, uyển chuyển linh động, lắng nghe sáng kiến mọi người, rồi suy nghĩ lượng giá*”.

2. Nhắc đến vụ những người dân phu xây dựng lăng vua Tự Đức dưới sự lãnh đạo của Đoàn Hữu Trưng kéo về kinh thành để lật đổ vua Tự Đức và đưa Ứng Đạo, cháu 5 đời của vua Gia Long lên ngôi vào tháng 8 năm Bình Dân [1866] nhưng cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Sử sách gọi biến cố này là “Loạn Chày vôi”. Xem Đại Nam thực lục tập 7, tr.1009-1011.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục tập 7, NXB Giáo dục, tr.1074-1075.

Khổng tử dạy học trò: “Thông minh duệ trí, thủ chi dĩ ngu; công bị thiên hạ thủ chi dĩ nhượng; dũng lực chấn thế thủ chi dĩ khiếp; phú hữu tứ hải, thủ chi dĩ khiêm” (*Người thông minh duệ trí, xem mình tựa hồ ngu; công trùm thiên hạ vẫn nhún nhường; sức mạnh hơn đời vẫn như nhất; giàu có bốn biển vẫn khiêm nhượng*).

Sách Kinh Lễ (Lễ Ký), thiên đầu tiên là Khúc lễ thượng, ngay trang đầu tiên đề cập đến “Tứ bất khả” (4 điều không nên). Đúng đầu “Tứ bất khả” là: Ngạo bất khả trường (có ý niệm kiêu ngạo trong lòng thì phải diệt ngay, chớ để cho nó lớn lên)⁴. Chương IX sách Đạo đức kinh ghi: “Phú quý nhi kiêu tự di kỳ cữu” (*Giàu sang mà kiêu ngạo là tự rước lấy họa*).

Diễn Tử Phương người nước Ngụy về đời Chiến quốc nói với Tử Kích rằng: “*Làm vua mà kiêu ngạo thì mất nước, làm quan văn mà kiêu ngạo thì mất chức, làm quan võ mà kiêu ngạo thì mất nhà!*”

Binh pháp có câu: “*Muôn thuở kiêu binh thường thảm hại/ Mấy đời khinh địch lại thành công!*”

Trong Kinh Dịch từ quẻ Kiên cho đến quẻ Vị tế gồm 64 quẻ, quẻ nào cũng có 6 hào, mà quẻ nào cũng có hào tốt hào xấu. Khiêm là một quẻ đứng hàng thứ 15 trong tất cả 64 quẻ, 6 hào trong quẻ Khiêm đều tốt cả!

Quẻ Khiêm gồm có quẻ Khôn ở trên và quẻ cấn ở

4. Tứ bất khả gồm có: “Ngạo bất khả trường (có ý niệm kiêu ngạo trong lòng thì phải diệt ngay, chớ để cho nó phát triển); “Dục bất khả túng” (Phải kiềm chế dục vọng, chớ có buông lời); “Chi bất khả mãn” (Chớ nên tự mãn về chí khí, vì kẻ tự mãn về chí khí không bao giờ lập được công nghiệp to); “Lạc bất khả cức” (Gặp lúc có việc vui mừng, chớ nên hưởng đến mức cùng cực).

dưới, tức là trong đất có núi. Thế đất thấp kém, mà núi là vật cao lớn, lại ở dưới đất, đó là Tượng Khiêm tốn.

Lời kinh trong quẻ Khiêm: “*Khiêm hanh, quân tử hữu chung*” (Có Khiêm thì mới hanh thông, người quân tử có thể giữ đức Khiêm cho đến lúc cuối cùng). Người quân tử ôm giữ đức Khiêm cho đến khi từ già cõi trần.

Trình Di đã giải thích lời Kinh ấy: “Quẻ Khiêm là quẻ có đạo hanh thông. Có đức mà không tự nhận gọi là Khiêm. Người ta lấy sự khiêm tốn tự xử thì đi đâu mà không hanh thông? “Đấng quân tử có sau chót” (quân tử hữu chung) nghĩa là đấng quân tử chỉ ở khiêm tốn hiểu lẽ, cho nên vui với mệnh trời mà không cạnh tranh; bên trong đầy đủ, cho nên tự mình lui nhún, mà không khoe khoang, yên lặng xéo noi theo sự Khiêm suốt đời mà không thay đổi, mình tự hạ mình mà người ta càng tôn lên, mình tự che cho tối đi, mà đức càng sáng tỏ; đó là đấng quân tử có sau chót (quân tử hữu chung). Ở tiểu nhân thì họ có sự ham muốn ắt phải cạnh tranh, có đức ắt phải hợm hĩnh, tuy có miễn cưỡng mẹn sự khiêm tốn, cũng không thể yên lòng mà làm, bên chỉ mà giữ, ấy là không có sau chót”⁵

Nhà văn hiện đại Ông Văn Tùng đã bàn luận lời Kinh trên của quẻ Khiêm như sau: “... là trực tiếp răn dạy con người vừa thấu đáo vừa nhẹ nhàng, vừa biến ảo phi thường, vừa tiến lùi hợp thức và trong ứng xử muôn hình, muôn vẻ vẫn “thụ ích” và không “chiêu tổn”, vẫn giữ được đức Khiêm, nhu, thuận, minh triết, bao dung, lùi bước mà tích cực, nhường

5. *Kinh Dịch trọn bộ* (Ngô Tất Tố dịch và chú giải), NXB Văn học, tr. 301-302.

nhịn mà không nịnh hót, chịu thua thiệt mà không hèn hạ, mềm mại mà không quanh co giả dối, tiến mà không tranh đoạt, miệt mài mà không mù quáng, yếu mà thành mạnh, buồn đau mà khang kiện, yêu đời. Không kín đáo một mình, khi sống giữa đám đông, khi lâm nguy, khi ở ngôi cao chót vót cũng như khi vùi dưới đất đen vẫn giữ được đức của người quân tử. Đức Khiêm giúp con người sống đẹp như trái núi phải chịu lún dưới đất, nhưng núi vẫn là núi, như ngọc bị cát vùi, ngọc vẫn cứ là ngọc. Và nếu đạt được mức Khiêm là đạt đến bản lĩnh làm người..."⁶

Khổng Dĩnh Đạt nói: "Tiểu nhân hành Khiêm, tắc bất năng trường cửu, duy quân tử hữu chung dã" (tiểu nhân khiêm tốn chẳng bao giờ được lâu, chỉ có quân tử là khiêm tốn được cả đời). Nếu thấy ở kẻ tiểu nhân có biểu hiện sự khiêm tốn, chẳng qua đó là khiêm tốn "dỏm"⁷. Tiêu chuẩn phân biệt khiêm tốn "thật" và khiêm tốn "dỏm": Khiêm tốn "thật" bắt nguồn từ sự tôn trọng hay yêu thương người khác một cách thực sự. Vì tôn trọng hay yêu thương nên đã "quên" mất tự kỷ, tự ái, thành thực đến với kẻ khác bằng thái độ cởi mở, tự nhiên và "Khó mà tôn trọng người khác nếu bản thân không tự khiêm nhường" (Henri Frederic Amiel). Còn khiêm tốn "dỏm" thì lại bắt nguồn từ chính sự tôn vinh bản ngã nên có giả vờ tôn

6- Ông Văn Tùng, *Chữ Khiêm*, đăng trên báo Văn nghệ số 43 ra ngày 23/10/2005

7- Khiêm tốn "dỏm" còn gọi là khiêm tốn "ống đũa" (ống vố). Hình thù ống đũa là cong xuống rồi lại góc đầu thẳng lên. Khiêm tốn "ống đũa" thuộc dạng: "Một lần khiêm tốn, bốn lần tự kiêu".

trọng hay ca ngợi kẻ khác cũng chẳng kéo dài được lâu. Nhiều người thích đóng kịch khiêm tốn vì cho rằng đó là chiến lược tốt để người khác khen ngợi là “con người khiêm tốn”. Do đóng kịch nên phương pháp lật tẩy cũng khá dễ dàng. Khi đối phương nói lời nhũn nhặn, khiêm cung, như: “Tôi cũng còn kém, mong được chỉ giáo”; “học vấn tôi chưa đầy cái lá mít”, v.v. ta cứ việc đồng ý với đối phương rằng điều ấy quả thực đúng như vậy, thế là xong⁸.

Khiêm tức là tự hạ mình một cách thực sự. Tăng Sâm – một cao đồ của Khổng tử – nói: “Hữu, nhược vô; thực nhược hư. Dĩ đa vấn ư quả, dĩ năng vấn ư bất năng” (mình có, mà xem mình như hình không; mình đầy đủ mà xem mình như hình thiếu kém. Lấy mình là trí thức nhiều mà chịu hỏi với người ít, lấy mình là người tài năng mà chịu hỏi với người bất năng - *Luận ngữ*, thiên *Thái Bá*). Câu “bất sĩ hạ vấn” (không hổ thẹn khi học hỏi với kẻ thuộc hạ) chỉ thực hiện ở những người khiêm tốn thật sự và “kiêu căng là độc quyền của kẻ khờ dại” (Ngạn ngữ Hy Lạp).

Dẫu chúng ta có chút đỉnh tài năng, chớ nên kiêu ngạo. Kiêu ngạo là một thói xấu đến nỗi người ta nêu lên câu cảnh báo: “Ai mà kiêu ngạo là kẻ sắp đi đến bước đường cùng”. Do đó “Khiêm tốn bao nhiêu cũng chưa đủ, tự kiêu một chút cũng là thừa” (Karl Marx). Hãy dùng chữ “Khiêm” làm kim chỉ nam cho cuộc sống của chúng ta.Ω

8. Dương Ngọc Dũng, Lê Anh Minh. Kinh Dịch và cấu hình tư tưởng Trung Quốc, NXB Khoa học Xã hội, tr. 163-164.